

Số: 2454/QĐ-CHKQTTSN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục**
“Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: ăn uống; bán hàng miễn thuế; bán simcard; ngân hàng thu đổi ngoại tệ; đóng gói hành lý tại khu vực nhà ga quốc nội và nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”

GIÁM ĐỐC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-HĐQT ngày 26/4/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-TCTCHKVN ngày 23/6/2020 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc Ban hành tài liệu khai thác công trình Nhà ga hàng khách Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-CHK ngày 26/7/2022 của Bộ giao thông vận tải - Cục hàng không Việt Nam về việc đưa công trình “Cải tạo khu văn phòng nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất thành Bus Lounge” vào khai thác;

Căn cứ Công văn số 4848/HD-TCTCHKVN ngày 14/12/2022 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế về Quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-HĐQT ngày 22/6/2023 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không

ban hành theo Quyết định số 355/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 2237/QĐ-CHKQTTSN ngày 05/7/2023 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc thành lập Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh, hợp tác khai thác, thuê mặt bằng, thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ phê duyệt của Tổng giám đốc trên Tờ trình số 324/TTr-KDPTTT ngày 07/11/2022 của Ban kinh doanh phát triển thị trường về việc Phê duyệt phương án giá tối thiểu vị trí DDG29 và DDG32 tại khu vực Bus Lounge gate 22-26 nhà ga quốc nội đi - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-TCTCHKVN ngày 28/2/2023 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc Phê duyệt phương án giá tối thiểu mặt bằng kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 1669/QĐ-TCTCHKVN ngày 26/4/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc Phê duyệt phương án giá tối thiểu, bông sung/chuyển đổi dịch vụ/ngành nghề kinh doanh các vị trí mặt bằng tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 1-1/TTr-TCG ngày 10/7/2023 về việc Trình duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: ăn uống; bách hóa tổng hợp; bán hàng miễn thuế; bán simcard; ngân hàng thu đổi ngoại tệ; đóng gói hành lý tại khu vực nhà ga quốc nội và nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2-1/BC-TTĐ ngày 14/7/2023 của Tổ thẩm định về việc Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: ăn uống; bách hóa tổng hợp; bán hàng miễn thuế; bán simcard; ngân hàng thu đổi ngoại tệ; đóng gói hành lý tại khu vực nhà ga quốc nội và nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: ăn uống; bách hóa tổng hợp; bán hàng miễn thuế; bán simcard; ngân hàng thu đổi ngoại tệ; đóng gói hành lý tại khu vực nhà ga quốc nội và nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” với nội dung sau:

1. Tên hạng mục: Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: ăn uống; bách hóa tổng hợp; bán hàng miễn thuế; bán simcard; ngân hàng thu đổi ngoại tệ; đóng gói hành lý tại khu vực nhà ga quốc nội và nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
2. Bên mời hợp tác: Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
3. Vị trí, diện tích, ngành nghề kinh doanh trên mặt bằng hợp tác kinh doanh:

Stt	Vị trí	Mã vị trí	Diện tích (m ²)	ĐVT	Ngành nghề kinh doanh
A	NHÀ GA QUỐC NỘI				
	1. KHU VỰC CÁCH LY QUỐC NỘI ĐI				
1	Khu vực cách ly quốc nội đi gate 22-26	DDG29-a	18,00	m ²	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp
2	Khu vực cách ly quốc nội đi gate 22-26	DDG29-b	18,00	m ²	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp
3	Khu vực cách ly quốc nội đi gate 22-26	DDG29-c	18,00	m ²	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp
4	Khu vực cách ly quốc nội đi gate 22-26	DDG32-a	30,00	m ²	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp
5	Khu vực cách ly quốc nội đi gate 22-26	DDG32-b	30,00	m ²	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp
6	Khu vực cách ly quốc nội đi gate 22-26	DDG32-c	30,00	m ²	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp
B	NHÀ GA QUỐC TẾ				
	1. KHU VỰC CÁCH LY QUỐC TẾ ĐẾN				
1	Khu vực cách ly quốc tế đến	IA106	2,00	m ²	Bán Simcard
	2. KHU VỰC HẠN CHẾ QUỐC TẾ ĐẾN				
1	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh trái	IAGII-a	1,00	m ²	Bán Simcard
2	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh trái	IAGII-b	1,00	m ²	Bán Simcard
3	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh trái	IAGII-c	1,00	m ²	Bán Simcard
4	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh trái	IAGII-d	1,00	m ²	Bán Simcard
5	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh phải	IAGIII-a	1,00	m ²	Bán Simcard
6	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh phải	IAGIII-b	1,00	m ²	Bán Simcard
7	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh phải	IAGIII-c	1,00	m ²	Bán Simcard
8	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh phải	IAGIII-d	1,00	m ²	Bán Simcard
9	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh phải	IAGIII-e	1,00	m ²	Bán Simcard
10	Khu vực hạn chế quốc tế đến cánh phải	IAGIII-f	1,00	m ²	Bán Simcard
11	Khu vực hạn chế cửa ra	IAG13-14	11,00	m ²	Ngân hàng, thu đổi

Stt	Vị trí	Mã vị trí	Diện tích (m ²)	ĐVT	Ngành nghề kinh doanh
	quốc tế đến - G.1.28				ngoại tệ, bán simcard
12	Khu vực hạn chế cửa ra quốc tế đến - G.1.27	IAG13-15	11,00	m ²	Ngân hàng, thu đổi ngoại tệ, bán simcard
3. KHU VỰC SẢNH QUỐC TẾ ĐẾN					
1	Khu vực sảnh quốc tế đến cánh trái	IAG29-d	7,20	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp, bán sim card
4. KHU VỰC HẠN CHẾ QUỐC TẾ ĐI					
1	Khu vực hạn chế - làm thủ tục quốc tế đi cửa D1	ID241-b	1,50	m ²	Đóng gói hành lý
5. KHU CÁCH LY QUỐC TẾ ĐI TẦNG 1					
1	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 1 - gate 15-16	ID106-b	15,00	m ²	Ăn uống và bách hóa tổng hợp
6. KHU CÁCH LY QUỐC TẾ ĐI TẦNG 2					
1	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 2 - gate 22	ID244-a	8,40	m ²	Bách hoá tổng hợp
2	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 2 - gate 6-9	ID208	7,20	m ²	Bách hoá tổng hợp
3	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 2 - gate 6-9	ID201 (*)	156,00	m ²	Ăn uống/bách hoá tổng hợp/bán hàng miễn thuế
7. KHU VỰC CÁCH LY QUỐC TẾ ĐI TẦNG 3					
1	Khu vực cách ly quốc tế đi tầng 3	ID304-f	30,00	m ²	Ăn uống/bách hoá tổng hợp/bán hàng miễn thuế

➤ Vị trí theo sơ đồ bản vẽ đính kèm (08 bản vẽ)

Ghi chú:

- Vị trí đánh dấu (*): Đơn vị tham gia lựa chọn **không bắt buộc phải** lấy toàn bộ diện tích.
 - Diện tích có thể thay đổi theo thực tế khai thác căn cứ trên Biên bản tiếp nhận mặt bằng/Biên bản nghiệm thu lắp đặt và đưa mặt bằng vào khai thác.
4. Phương án hợp tác kinh doanh:
- a. Góp vốn:
 - + Cảng HKQT Tân Sơn Nhất (TIA) góp vốn bằng toàn bộ quyền quản lý, sử dụng, khai thác mặt bằng.

+ Đối tác góp vốn bằng việc đầu tư cơ sở vật chất trên mặt bằng như: thiết kế, xây dựng, lắp đặt trang thiết bị, sửa chữa các công trình trên mặt bằng; khai thác, tổ chức khai thác kinh doanh mặt bằng.

b. Lợi ích từ việc hợp tác kinh doanh được xác định:

Phương án phân chia: phân chia theo doanh thu

$$Li = t * D$$

Trong đó:

Li : Lợi ích từ việc hợp tác kinh doanh TIA được phân chia hàng tháng.

t : Tỷ lệ phân chia (tỷ lệ %).

D : Doanh thu thực tế phát sinh từ hoạt động hợp tác kinh doanh (chưa bao gồm thuế GTGT).

c. Tỷ lệ phân chia khởi điểm, lợi ích hợp tác tối thiểu:

Stt	Mã vị trí	Diện tích (m ²)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ phân chia khởi điểm (t)	Lợi ích hợp tác tối thiểu TIA được phân chia hàng tháng (Li _{min}) (VND/m ² /tháng)
A	NHÀ GA QUỐC NỘI				
	KHU VỰC CÁCH LY QUỐC NỘI ĐI				
1	DDG29-a	18,00	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp	15,0%	4.200.000
2	DDG29-b	18,00	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp	15,0%	4.200.000
3	DDG29-c	18,00	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp	15,0%	4.200.000
4	DDG32-a	30,00	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp	15,0%	4.200.000
5	DDG32-b	30,00	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp	15,0%	4.200.000
6	DDG32-c	30,00	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp	15,0%	4.200.000
B1	NHÀ GA QUỐC TẾ				
	1. KHU VỰC HẠN CHẾ QUỐC TẾ ĐẾN				
1	IAGII-a	1,00	Dịch vụ bán simcard	18,0%	12.060.000
2	IAGII-b	1,00	Dịch vụ bán simcard	18,0%	12.060.000
3	IAGII-c	1,00	Dịch vụ bán simcard	18,0%	12.060.000
4	IAGII-d	1,00	Dịch vụ bán simcard	18,0%	12.060.000

Stt	Mã vị trí	Diện tích (m ²)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ phân chia khối điểm (t)	Lợi ích hợp tác tối thiểu TIA được phân chia hàng tháng (L _{min}) (VND/m ² /tháng)
5	IAGIII-a	1,00	Dịch vụ bán simcard	18,0%	12.060.000
6	IAGIII-b	1,00	Dịch vụ bán simcard	18,0%	12.060.000
7	IAGIII-c	1,00	Dịch vụ bán simcard	18,0%	12.060.000
8	IAGIII-d	1,00	Dịch vụ bán simcard	18,0%	12.060.000
9	IAGIII-e	1,00	Dịch vụ bán simcard	18,0%	12.060.000
10	IAGIII-f	1,00	Dịch vụ bán simcard	18,0%	12.060.000
11	IAG13-14	11,00	Dịch vụ ngân hàng, thu đổi ngoại tệ, bán simcard	18,0%	3.300.000
12	IAG13-15	11,00	Dịch vụ ngân hàng, thu đổi ngoại tệ, bán simcard	18,0%	3.300.000
2. KHU VỰC SẢNH QUỐC TẾ ĐẾN					
1	IAG29-d	7,20	Ăn uống/bách hóa tổng hợp, dịch vụ sim card	18,0%	2.950.000
3. KHU CÁCH LY QUỐC TẾ ĐI					
1	ID201 (*)	156,00	Ăn uống/bách hóa tổng hợp/miễn thuế	17,0%	2.724.000
2	ID304-f	30,00	Ăn uống/bách hóa tổng hợp/miễn thuế	18,0%	2.292.000

Stt	Mã vị trí	Diện tích (m ²)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ phân chia khối điểm (t)	Lợi ích hợp tác tối thiểu TIA được phân chia hàng tháng (L _{min}) (VND/máy/tháng)
B2	NHÀ GA QUỐC TẾ				
4. KHU VỰC HẠN CHẾ QUỐC TẾ ĐI					
1	ID241-b	1,50	Đóng gói hành lý	15%	22.500.000

Stt	Mã vị trí	Diện tích (m ²)	Ngành nghề kinh doanh	Tỉ lệ phân chia khối điểm (t)	Lợi ích hợp tác tối thiểu TIA được phân chia hàng tháng (L _{min}) (USD/m ² /tháng)
B3	NHÀ GA QUỐC TẾ				
	5. KHU VỰC CÁCH LY QUỐC TẾ ĐẾN				
1	IA106	2,00	Dịch vụ bán Simcard	18,5%	220
	6. KHU CÁCH LY QUỐC TẾ ĐI				
1	ID106-b	15,00	Ăn uống và bách hóa tổng hợp	18,0%	162
2	ID244-a	8,40	Bách hoá tổng hợp	18,0%	169
3	ID208	7,20	Bách hoá tổng hợp	18,0%	207

➤ Lợi ích hợp tác chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí sử dụng điện, nước, chi phí thi công cấp nguồn điện, điện thoại, internet... và các chi phí khác (nếu có)

5. Hình thức lựa chọn đối tác: lựa chọn rộng rãi
6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn đối tác: tháng 07/2023.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
8. Thời gian hợp tác kinh doanh: **24 (hai mươi bốn) tháng** kể từ ngày hoàn thành nhiệm vụ lắp đặt và đưa mặt bằng vào khai thác.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh doanh phối hợp phòng Tài chính – Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng thực hiện.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, các Ông/Bà thủ trưởng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính-Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung trên triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP./.

Nơi nhận: *JH*

- Như điều 3;
- P.KD;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

[Signature]

Đặng Ngọc Cường

